

Số: 05 /KSBT-NS

Thái Bình, ngày 16 tháng 02 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả giám sát ngoại kiểm (đột xuất) chất lượng**  
**nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt**

**I. Thông tin chung về cơ sở cấp nước:**

- Tên cơ sở cấp nước: Cơ sở cấp nước xã An Mỹ.
- Đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Mỹ Hưng
- Địa chỉ: Thôn Tô Đê - xã An Mỹ - huyện Quỳnh Phụ - Thái Bình
- Công suất thiết kế: 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước 2.263 hộ gia đình.
- Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Hóa.

**II. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước:**

**1. Thông tin về mẫu thử nghiệm:**

Sau khi nhận được ý kiến phản ánh của Trung tâm y tế huyện Quỳnh Phụ, ngày 09 tháng 02 năm 2023, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đã phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, UBND xã An Mỹ, An Thanh và cơ sở cấp nước thực hiện hoạt động giám sát chất lượng nước (ngoại kiểm) 03 mẫu nước của nhà máy nước xã An Mỹ, cụ thể như sau:

- Mẫu số 01: Mẫu nước lấy tại vòi phát của cơ sở cấp nước.
- Mẫu số 02: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Ông Phạm Ngọc Cừ - Tô Hồ - An Mỹ - Quỳnh Phụ - Thái Bình.
- Mẫu số 03: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại Ủy Ban Nhân Dân xã An Thanh - Quỳnh Phụ - Thái Bình.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 32 chỉ tiêu: 28 chỉ tiêu về hóa, lý và 04 chỉ tiêu về Vi sinh vật, kết quả cụ thể như sau:

**2. Kết quả thử nghiệm** (Kết quả số: 99/2023KQTN-XN ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình):

**a) Về chỉ tiêu hóa, lý:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	< 2,0 <sup>(a)</sup>	< 2,0 <sup>(a)</sup>	< 2,0 <sup>(a)</sup>	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi vị lạ



TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
3.	Độ đục	TCVN 12402-2:2022	NTU	0,35	0,16	0,56	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,31	7,21	7,36	Trong khoảng 6,0-8,5
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,65x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,65x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,65x10 <sup>-3(b)</sup>	0,01
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,86	1,05	1,03	Trong khoảng 0,2-1,0
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,009 <sup>(b)</sup>	<0,009 <sup>(b)</sup>	<0,009 <sup>(b)</sup>	0,3
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<2,0x10 <sup>-3(b)</sup>	<2,0x10 <sup>-3(b)</sup>	<2,0x10 <sup>-3(b)</sup>	0,02
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,15 <sup>(b)</sup>	<0,15 <sup>(b)</sup>	<0,15 <sup>(b)</sup>	0,7
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,33x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,33x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,33x10 <sup>-3(b)</sup>	0,003
11.	Chỉ số pemanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,576	0,576	0,704	2
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	22,7	18,4	18,4	250 (hoặc 300)
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,67x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,67x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,67x10 <sup>-3(b)</sup>	0,05
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	1
15.	Độ cứng (tính theo CaCO <sub>3</sub> )(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	106	102	102	300
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	2
17.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	0,1
18.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	9,64	9,45	9,21	200
19.	Hàm lượng Nitrat(NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,63	0,85	0,86	2
20.	Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)(*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,003 <sup>(b)</sup>	<0,003 <sup>(b)</sup>	<0,003 <sup>(b)</sup>	0,05
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số)(*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	0,3
22.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	15,3	13,4	13,1	250
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	<0,3x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,3x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,3x10 <sup>-3(b)</sup>	0,001
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	120	120	124	1000
25.	Hàm lượng Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<1,6x10 <sup>-3(b)</sup>	<1,6x10 <sup>-3(b)</sup>	<1,6x10 <sup>-3(b)</sup>	0,01





TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,02 <sup>(b)</sup>	<0,02 <sup>(b)</sup>	<0,02 <sup>(b)</sup>	0,07
27.	Hàm lượng Selen	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,002 <sup>(b)</sup>	<0,002 <sup>(b)</sup>	<0,002 <sup>(b)</sup>	0,01
28.	Hàm lượng Florua	SMEWW4500D:2017	mg/L	<0,3 <sup>(a)</sup>	<0,3 <sup>(a)</sup>	<0,3 <sup>(a)</sup>	1,5

**b) Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<3
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
3.	S. aureus	SMEWW 9213B:2017	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
4.	P. aeruginosa <sup>(*)</sup>	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1

*Ghi chú: KPH - Không phát hiện*

*(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)*

*(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)*

*Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD E.coli, Coliform : 01CFU/100ml*

### III. Nhận xét

#### 1. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Hóa, Lý:

- Mẫu số 01: Có 28/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.
- Mẫu số 02,03: có 27/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép, riêng chỉ tiêu Hàm lượng Clo dư tự do chưa đạt tiêu chuẩn cho phép.

#### 2. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Vi sinh vật:

- Mẫu số 01, 02, 03: Có 4/4 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.

### IV. Kiến nghị

1. Cơ sở cấp nước xã An Mỹ - Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Mỹ Hưng:

- Rà soát hệ thống khử trùng của cơ sở cấp nước, điều chỉnh hàm lượng Clo dư tự do tại mẫu 02 và mẫu 03, để đảm bảo tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT và thực hiện xét nghiệm lại chỉ tiêu này (sau khi đã khắc phục, điều chỉnh) và báo cáo kết quả khắc phục về cơ quan chức năng theo quy định.

- Đối với các chỉ tiêu dễ biến động khác như: Độ đục... đề nghị cơ sở cấp nước theo dõi hàng ngày để có kế hoạch xử lý, điều chỉnh cho phù hợp.

- Tăng cường xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định của Bộ Y tế, khi có kết quả xét nghiệm cần thực hiện công khai kết quả xét nghiệm theo quy định hiện hành.

- Thường xuyên theo dõi nguồn nước nguyên liệu (nước sông) để có kế hoạch sản xuất cho phù hợp (tránh hiện tượng nguồn nước nguyên liệu bị nhiễm mặn), khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước cần thông báo cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.





2. Các ngành chức năng và chính quyền địa phương: Nắm bắt thông tin phản ánh của người dân và dư luận để kịp thời phối hợp kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của nhà máy.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế;
- UBND huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã An Mỹ;
- UBND xã An Thanh;
- CTCP kinh doanh nước sạch Mỹ Hưng;
- TT Y tế Quỳnh Phụ;
- Lưu VT, SKMT.



GIÁM ĐỐC  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Lê Thị Hồng Nhung*